PHỤ LỤC I
BIỂU MẪU BÁO CÁO KINH TẾ XÃ HỘI CỦA HUYỆN

1. Biểu mẫu 01: Công an huyện

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
IV	**CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH**												
2	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hằng năm	%											
3	Tỷ lệ điều tra, khám phá án	%											
	Trong đó: án rất nghiêm trọng và	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	đặc biệt nghiêm trọng												
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào "TDBVANTQ".	%											
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
6	Tỷ lệ kéo giảm về tội phạm về trật tự xã hội	%											

2. Biểu mẫu 02: Ban chỉ huy Quân sự huyện

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
IV	**CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH**												
1	Tỷ lệ giao quân	%											

3. Biểu mẫu 03: Phòng Dân tộc

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	**CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI**												
5	Lao động - Xã hội												
c	Xã hội												
-	Tổng số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn	Hộ											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Số hộ dân tộc thiểu số có đất ở	Hộ											
-	Số hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất	%											
-	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở	%											
-	Tỷ lệ hộ dân tộc	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	thiểu số có đất sản xuất												

4. Biểu mẫu 04: Phòng Giáo dục và Đào tạo

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	**CHỈ TIÊU**												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	VĂN HÓA - XÃ HỘI												
2	Giáo dục đào tạo												
-	**Tổng số học sinh đầu năm học (huyện quản lý)**	Học sinh											
+	Nhà trẻ	Học sinh											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
+	Mẫu giáo	Học sinh											
+	Tiểu học	Học sinh											
+	Trung học cơ sở	Học sinh											
+	Trung học phổ thông	Học sinh											
+	Giáo dục thường xuyên	Học sinh											
	Trong đó: Trung	Học sinh											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	học cơ sở												
	Trung học phổ thông	Học sinh											
-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ	%											
-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	mẫu giáo												
-	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%											
+	*Tiểu học*	%											
+	*Trung học cơ sở*	%											
+	*Trung học phổ thông*	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Số trường học (trường công lập huyện quản lý)	trường											
	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường											
	Trong đó:												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	- Trường MN	trường											
	- Trường TH	trường											
	- Trường THCS	trường											
	- Trường TH & THCS	trường											
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	quốc gia												
-	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục có hạ tầng nước sạch, vệ sinh đạt chuẩn quốc gia	%											
+	*Mầm non*	%											
+	*Phổ thông*	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Trong đó: Tiểu học	%											
	Trung học cơ sở	%											
	Trung học phổ thông	%											
-	Tỷ lệ xóa mù chữ	%											

5. Biểu mẫu 05: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**												
4	**Nông nghiệp**												
4.1	**Trồng trọt**												
*****	**Tổng diện tích cây trồng**	ha											
a	**Diện tích cây hàng năm**	ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	- Vụ Đông - Xuân	ha											
	- Vụ Mùa	ha											
1	***Cây lương thực***	*ha*											
*****	**Tổng sản lượng lương thực**	tấn											
	Trong đó: Thóc	*tấn*											
-	**Lúa cả năm**	ha											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
a	*- Lúa đông xuân*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
b	*- Lúa mùa*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
	+ Lúa ruộng	ha											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
	+ Lúa rẫy	ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
-	**Ngô cả năm**	**ha**											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
a	*- Ngô Đông - Xuân*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
b	*- Ngô Vụ mùa*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Sản lượng	tấn											
-	**Cây chất bột lấy củ**	**ha**											
+	*Cây sắn*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
+	*Khoai lang*	*ha*											
-	**Cây thực phẩm**	**ha**											
+	*Rau các loại*	*ha*											
	- Vụ Đông - Xuân	ha											
	- Vụ Mùa	ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
+	*Đậu các loại*	*ha*											
	- Vụ Đông - Xuân	ha											
	- Vụ Mùa	ha											
-	**Cây Mía**	**ha**											
	- Vụ Đông - Xuân	*ha*											
	- Vụ Mùa	*ha*											
	Năng suất	Tạ/ha											
	Sản lượng	Tấn											
-	**Hoa và cây cảnh**	**ha**											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	- Vụ Đông - Xuân	ha											
	- Vụ Mùa	ha											
-	**Cây hàng năm khác (bao gồm: Cây lạc,..)**	**ha**											
	- Vụ Đông - Xuân	ha											
	- Vụ Mùa	ha											
b	**Cây lâu năm**	**ha**											
-	***Cà phê***	***ha***											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Trong đó: - DT Trồng mới, tái canh	ha											
	- DT cà phê tái canh	ha											
	- DT cho thu hoạch	ha											
	Năng suất	Tạ/ha											
	Sản lượng	Tấn											
-	***Cao su***	***ha***											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Trong đó: - DT Trồng mới, tái canh	ha											
	- DT cho thu hoạch	ha											
	Năng suất	Tạ/ha											
	Sản lượng	Tấn											
-	***Cây ăn quả***	***ha***											
	Trong đó: - DT Trồng mới	ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	***Cây mắc ca***	***ha***											
	Trong đó: - DT Trồng mới	ha											
-	**Cây tiêu**												
c	**Cây dược liệu khác**	**ha**											
	Cây dược liệu năm trước												
	- Cây Dược liệu hàng năm	*ha*											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	- Cây Dược liệu lâu năm	*ha*											
	Trong đó: Diện tích trồng mới	*ha*											
	Dược liệu khoanh nuôi	*ha*											
d	*Cây khác(bồ lời,..)*	*ha*											
4.2	**Chăn nuôi**												
*****	**Tổng đàn gia súc**	con											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Tổng đàn trâu	"											
-	Tổng đàn bò	"											
-	Tổng đàn heo	"											
-	Tổng đàn dê	"											
*	**Tổng đàn gia cầm**	"											
4.3	**Thủy sản**												
*	**Tổng sản lượng thủy sản**	tấn											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
a	**Nuôi trồng thủy sản**												
	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	***tấn***											
-	*Diện tích nuôi ao hồ nhỏ*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											
	Sản lượng	tấn											
-	*Diện tích mặt nước lớn*	*ha*											
	Năng suất	tạ/ha											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Sản lượng	tấn											
-	*Lồng nuôi trồng thủy sản*	*Lồng*											
	Năng suất	tạ/lồng											
	Sản lượng	tấn											
b	***Sản lượng khai thác thủy sản tự nhiên***	***tấn***											
4.4	**Lâm nghiệp**												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Diện tích trồng mới rừng tập trung	*ha*											
-	Tỷ lệ độ che phủ rừng (có tính cây cao su)	%											
4.5	Sản phẩm OCOP	Sản phẩm											
10	**Nông thôn mới**	**xã**											
10.1	**Huyện nông thôn mới**	**Chỉ tiêu**											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
10.2	**Xã nông thôn mới**	**Chỉ tiêu**											
10.3	**Thôn, làng nông thôn mới**	**Thôn**											
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**												
4	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
5	Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn tiếp cận nhà tiêu hợp vệ sinh	%											

6. Biểu mẫu 06: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI												
5	Lao động - Xã hội												
a	Lao động, việc làm												
-	Tổng số lao động trong độ tuổi	Người											
-	Số người được giải quyết việc làm (tăng	Người											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	thêm trong năm)												
-	*Trong đó, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*	Người											
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%											
-	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Tỷ lệ lao động nữ nông thôn trong tổng số lao động được đào tạo nghề	%											
b	**Giảm nghèo**												
+	Tổng số hộ	Hộ											
+	Số hộ nghèo	Hộ											
+	Tỷ lệ hộ nghèo	%											
+	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%											
+	Số hộ cận nghèo	Hộ											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
+	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%											
c	**Xã hội**	%											
-	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường											
-	Số xã, phường triển khai Chương trình hành động vì trẻ em	Xã, phường											

7. Biểu mẫu 07: Phòng Tài chính-Kế hoạch

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ												
7	**Tổng thu NSNN**	Triệu đồng											
-	**Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**	**Triệu đồng**											
+	*Trong đó thu nội địa*	Triệu đồng											
	Trong đó:												
	Thu từ tiền sử dụng đất	Triệu đồng											
-	**Thu ngân sách địa phương**	**Triệu đồng**											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	Trong đó:												
+	*Thu ngân sách địa phương hưởng 100%*	Triệu đồng											
+	*Thu ngân sách địa phương hương từ các khoản theo phân chia*	Triệu đồng											
-	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân	Triệu đồng											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	sách địa phương (hoặc điều tiết về Ngân sách Trung ương)												
8	**Tổng Chi ngân sách địa phương**	**Triệu đồng**											
-	***Chi cân đối ngân sách địa phương***	***Triệu đồng***											
	Trong đó:												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
+	*Chi đầu tư*	Triệu đồng											
+	*Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)*	Triệu đồng											
9	**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (bao gồm vốn kéo dài...)**	**Triệu đồng**											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	- Trung ương, tỉnh quản lý	Triệu đồng											
	- Địa phương quản lý	Triệu đồng											
	- Tổ chức phi chính phủ	Triệu đồng											
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Triệu USD											
11	Phát triển doanh nghiệp(theo dõi)												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
12	**Hợp tác xã**												
-	Tổng số hợp tác xã	HTX											
	Trong đó: *- Thành lập mới*	*HTX*											
	- Giải thể												
-	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người											
-	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số tham gia vào hợp tác xã	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
13	**Tổ hợp tác**												
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác											
	Trong đó: thành lập mới	Tổ hợp tác											
-	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên											

8. Biểu mẫu 08: Phòng Tài nguyên và Môi trường

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyệngiao (%)		
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**												
6	Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng sử dụng công nghệ sạch hoặc có thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường	%											
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyệngiao (%)		
	doanh đạt tiêu chuẩn môi trường												

9. Biểu mẫu 09: Phòng Văn hóa – Thông tin

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ												
6	Dịch vụ												
6.2	**Du lịch**												
-	**Tổng lượt khách**	**L/khách**											
II	CHỈ TIÊU VĂN												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	HÓA - XÃ HỘI												
4	Văn hóa- Thể thao, Thông tin và truyền thông												
-	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hoá	Xã, phường											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	%											
-	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	%											
-	Tỷ lệ thôn, làng, tổ	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	dân phố đạt danh hiệu văn hóa												
-	Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%											

10. Biểu mẫu 10: Trung tâm y tế

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI												
3	Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân												
-	Số giường bệnh	Giường											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	trạm y tế xã												
-	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ											
-	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%											
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	gia về y tế												
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%											
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
	còi (chiều cao theo tuổi)												

11. Biểu mẫu 11: Phòng Kinh tế-Hạ tầng

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo			SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
				Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện năm báo cáo	Lũy kế so với cùng kỳ (%)	Lũy kế so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH so với KH Huyện giao (%)		
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI										
5	Lao động - Xã hội										
c	Xã hội	%									
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện	%									

12. Biểu mẫu 12: Trung tâm Môi trường và Dịch vụ Đô thị

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**												
1	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (thành thị và nông thôn) được thu gom, xử lý	%											
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở	%											

	đô thị được thu gom, xử lý												
3	Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch	%											

13. Biểu mẫu 13: Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Du lịch và Truyền thông

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI												
4	Văn hóa- Thể thao, Thông tin và truyền thông												

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%											
-	Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%											

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
-	Thời lượng tiếp sóng bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm											

14. Biểu mẫu 14: Bảo hiểm xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
II	**VĂN HÓA-XÃ HỘI**												
3	**Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**												
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm Y tế	%											
-	Tỷ lệ bao phủ BHYT/Dân số TB	%											
-	Tỷ lệ bao phủ BHXH/LLLĐ có việc làm	%											

	Trong đó: Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện/LLLĐ	%											
-	Tỷ lệ bao phủ BHTN/LLLĐ có việc làm	%											

15. Biểu mẫu 15: Chi cục thống kê

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Thực hiện cùng kỳ	Thực hiện cả năm trước	Năm báo cáo				SO SÁNH			Chỉ tiêu còn lại của năm báo cáo	Ghi chú
					Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với cùng kỳ (%)	Lũy kế TH đến tháng báo so với KH Tỉnh giao (%)	Lũy kế TH đến tháng báo cáo so với KH Huyện giao (%)		
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**												
1	**Tổng giá trị sản**	**Tỷ đồng**											

	xuất trên địa bàn												
	Trong đó:												
	+ Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	Tỷ đồng											
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng											
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng											
2	**Thu nhập bình quân đầu người**	Triệu đồng											
3	**Cơ cấu tổng giá trị sản xuất theo ngành kinh tế**												
	- Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	%											

	- Công nghiệp và xây dựng	%											
	- Dịch vụ	%											
5	**Công nghiệp**												
a	***Giá trị sản xuất công nghiệp***	***tỷ đ***											
b	***Các sản phẩm công nghiệp chính***												
+	Gạch qui thẻ	1.000v											
+	Xay xát lúa màu,	tấn											
+	Gia công sắt nhôm	m²											
+	Sản phẩm mộc dân dụng	sp											
+	Vải thổ cẩm	m²											
6	**Dịch vụ**												

6.1	**Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ trên địa bàn**	**Tỷ đồng**											
II	**CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI**												
1	**Dân số**												
-	Dân số có mặt đầu năm	Người											
-	Dân số có mặt cuối năm	Người											
-	Dân số trung bình	Người											
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰											
-	Tuổi thọ trung bình	Tuổi											

-	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái												